

CHÍNH PHỦ

Số : **149/2004/NĐ-CP**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2004

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

**Qui định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng
tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2002/QH11 ngày 05 tháng 8 năm 2002 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ nhất quy định danh sách các Bộ và cơ quan ngang Bộ của Chính phủ;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 29 tháng 5 năm 1998 ;

Căn cứ Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

NGHỊ ĐỊNH : Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc cấp, gia hạn, thay đổi, đình chỉ, thu hồi giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) có các hoạt động liên quan đến việc thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

Trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng theo quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

Giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước bao gồm: giấy phép thăm dò nước dưới đất; giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất; giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

Điều 4. Nguyên tắc cấp phép

Việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

1. Cấp phép phải đúng thẩm quyền, đúng đối tượng và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật;
2. Phải bảo đảm lợi ích của Nhà nước; quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;
3. Ưu tiên cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước để cung cấp nước sinh hoạt;
4. Không gây cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước khi thực hiện việc thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;
5. Khai thác nước dưới đất trong một vùng không được vượt quá trữ lượng nước khai thác của vùng đó; khi nước dưới đất tại vùng khai thác đã đạt tới trữ lượng có thể khai thác thì không được mở rộng quy mô khai thác, nếu chưa có biện pháp xử lý, bổ sung nhân tạo.

Điều 5. Căn cứ cấp phép

1. Việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước phải trên cơ sở các căn cứ sau đây :

- a) Luật Tài nguyên nước và văn bản pháp luật khác có liên quan;
- b) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, ngành, vùng và địa phương;
- c) Quy hoạch lưu vực sông được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật; trường hợp chưa có quy hoạch lưu vực sông thì căn cứ vào khả năng nguồn nước và phải bảo đảm không gây cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước;
- d) Báo cáo thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hồ sơ xin phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

2. Ngoài các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, việc cấp phép xả nước thải vào nguồn nước còn phải căn cứ vào các quy định sau đây:

- a) Tiêu chuẩn nước thải; trường hợp chưa có tiêu chuẩn thì thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước ;

c) Vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Chương II

CẤP, GIA HẠN, THAY ĐỔI, ĐÌNH CHỈ, THU HỒI GIẤY PHÉP THĂM DÒ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC, XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

Điều 6. Các trường hợp không phải xin cấp giấy phép

1. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước không phải xin phép trong các trường hợp sau đây:

a) Khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất với quy mô nhỏ phục vụ sinh hoạt trong phạm vi gia đình;

b) Khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất với quy mô nhỏ để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thủy điện và cho các mục đích khác trong phạm vi gia đình;

c) Khai thác, sử dụng nguồn nước biển với quy mô nhỏ để sản xuất muối và nuôi trồng hải sản trong phạm vi gia đình;

d) Khai thác, sử dụng nước mưa, nước mặt, nước biển trong phạm vi diện tích đất đã được giao, được thuê theo quy định của Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước và các quy định khác của pháp luật;

đ) Khai thác, sử dụng tài nguyên nước không nhằm mục đích kinh doanh phục vụ các hoạt động lâm nghiệp, giao thông thủy, nuôi trồng thủy sản, hải sản, sản xuất muối, thể thao, giải trí, du lịch, y tế, an dưỡng, nghiên cứu khoa học;

e) Khai thác nước dưới đất từ các công trình thay thế có quy mô không lớn hơn và mực nước hạ thấp nhỏ hơn giới hạn cho phép đã được xác định trong giấy phép, nằm trong khu vực đã được cấp phép.

2. Xả nước thải vào nguồn nước với quy mô nhỏ trong phạm vi gia đình.

3. Khai thác, sử dụng nước dưới đất với quy mô nhỏ trong phạm vi gia đình không phải xin phép nhưng phải đăng ký trong các trường hợp sau đây:

a) Khai thác, sử dụng nước dưới đất để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp trong vùng mà tổng lượng nước khai thác vượt quá tổng lượng dòng ngầm trung bình mùa kiệt;

b) Chiều sâu giếng khai thác vượt quá mức quy định.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quy định cụ thể quy mô khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong phạm vi gia đình không phải xin phép; vùng khai thác nước dưới đất phải đăng ký, chiều sâu giếng phải đăng ký quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 7. Thời hạn, gia hạn giấy phép

1. Thời hạn của giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt không quá hai mươi (20) năm và được xem xét gia hạn nhưng thời gian gia hạn không quá mười (10) năm .
2. Thời hạn của giấy phép thăm dò nước dưới đất không quá ba (3) năm và được xem xét gia hạn nhưng thời gian gia hạn không quá hai (2) năm.
3. Thời hạn của giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất không quá mười lăm (15) năm và được xem xét gia hạn nhưng thời gian gia hạn không quá mười (10) năm.
4. Thời hạn của giấy phép xả nước thải vào nguồn nước không quá mười (10) năm và được xem xét gia hạn nhưng thời gian gia hạn không quá năm (5) năm.
5. Việc gia hạn giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước phải căn cứ vào các quy định tại Điều 5 của Nghị định này và các điều kiện sau đây :
 - a) Tại thời điểm xin gia hạn, chủ giấy phép đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại Điều 18 của Nghị định này;
 - b) Giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước còn hiệu lực không ít hơn ba (3) tháng tại thời điểm xin gia hạn.

Điều 8. Thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép

Việc thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

1. Đối với giấy phép thăm dò nước dưới đất:
 - a) Điều kiện mặt bằng không cho phép thi công một số hạng mục trong đề án thăm dò đã được phê duyệt;
 - b) Có sự khác biệt giữa cấu trúc địa chất thủy văn thực tế và cấu trúc địa chất thủy văn dự kiến trong đề án thăm dò đã được phê duyệt;
 - c) Khối lượng các hạng mục thăm dò thay đổi vượt quá 10% so với khối lượng tương ứng đã được phê duyệt.
2. Đối với giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước;
 - a) Nguồn nước không đảm bảo việc cung cấp nước bình thường;
 - b) Nhu cầu khai thác, sử dụng nước tăng mà chưa có biện pháp xử lý, bổ sung nguồn nước;
 - c) Xảy ra các tình huống đặc biệt cần phải hạn chế khai thác, sử dụng nước;
 - d) Khai thác nước gây sụt lún mặt đất, biến dạng công trình, xâm nhập mặn, cạn kiệt, ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước dưới đất.
3. Đối với giấy phép xả nước thải vào nguồn nước;
 - a) Nguồn nước không còn khả năng tiếp nhận nước thải;

- b) Nhu cầu xả nước thải tăng mà chưa có biện pháp xử lý, khắc phục;
- c) Xảy ra các tình huống đặc biệt cần phải hạn chế việc xả nước thải vào nguồn nước.

Điều 9. Đình chỉ hiệu lực của giấy phép

1. Giấy phép bị đình chỉ hiệu lực trong các trường hợp sau đây;
 - a) Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (gọi chung là Chủ giấy phép) vi phạm nội dung qui định của giấy phép;
 - b) Chủ giấy phép tự ý chuyển nhượng giấy phép;
 - c) Chủ giấy phép lợi dụng giấy phép để tổ chức hoạt động không quy định trong nội dung giấy phép.
2. Thời gian đình chỉ hiệu lực của giấy phép do cơ quan cấp giấy phép quy định. Trong thời gian giấy phép bị đình chỉ hiệu lực, thì Chủ giấy phép không có các quyền liên quan đến giấy phép.

Điều 10. Thu hồi giấy phép

1. Việc thu hồi giấy phép được thực hiện trong các trường hợp sau đây;
 - a) Tổ chức là chủ giấy phép bị giải thể hoặc bị Toà án tuyên bố phá sản; cá nhân là chủ giấy phép bị chết hoặc bị Toà án tuyên bố là đã chết hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị tuyên bố mất tích;
 - b) Giấy phép được cấp nhưng không sử dụng trong thời gian mười hai (12) tháng liên tục mà không được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về tài nguyên nước cho phép;
 - c) Chủ giấy phép vi phạm quyết định đình chỉ hiệu lực của giấy phép;
 - d) Chủ giấy phép vi phạm nội dung quy định của giấy phép, gây cạn kiệt, ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước;
 - đ) Giấy phép được cấp không đúng thẩm quyền;
 - e) Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi giấy phép vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.
2. Trong trường hợp giấy phép bị thu hồi do vi phạm quy định tại các điểm đ và e khoản 1 Điều này, Chủ giấy phép chỉ được xem xét cấp giấy phép mới sau ba (3) năm, kể từ ngày thu hồi, nếu đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến lý do thu hồi giấy phép cũ.
3. Trong trường hợp giấy phép bị thu hồi theo quy định tại các điểm đ và e khoản 1 Điều này, thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tài nguyên nước xem xét việc cấp giấy phép mới.

Điều 11. Trả lại giấy phép

1. Trường hợp không sử dụng giấy phép, chủ giấy phép có quyền trả lại giấy phép cho cơ quan cấp phép, đồng thời có văn bản giải trình lý do cho cơ quan cấp phép.

2. Tổ chức, cá nhân đã trả lại giấy phép chỉ được xem xét cấp giấy phép mới sau hai (2) năm, kể từ ngày trả lại giấy phép.

Điều 12. Chấm dứt hiệu lực của giấy phép

1. Giấy phép bị chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau đây :

- a) Giấy phép bị thu hồi;
- b) Giấy phép đã hết hạn;
- c) Giấy phép đã được trả lại.

2. Khi giấy phép bị chấm dứt hiệu lực thì các quyền liên quan đến giấy phép cũng chấm dứt.

Điều 13. Thẩm quyền cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực và thu hồi giấy phép

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực và thu hồi giấy phép trong các trường hợp sau đây:

- a) Khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với các công trình quan trọng quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;
- b) Thăm dò, khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 3000 m³/ngày đêm trở lên;
- c) Khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 2 m³/giây trở lên;
- d) Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất từ 2000 kw trở lên;
- đ) Khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng từ 50.000 m³/ngày đêm trở lên;
- e) Xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ 5000 m³/ngày đêm trở lên.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực và thu hồi giấy phép trong các trường hợp không quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 14. Cơ quan tiếp nhận và quản lý hồ sơ, giấy phép

1. Cục Quản lý tài nguyên nước thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tiếp nhận và quản lý hồ sơ, giấy phép do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tiếp nhận và quản lý hồ sơ, giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp.

Chương III

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN CẤP PHÉP VÀ CHỦ GIẤY PHÉP

Điều 15. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan cấp phép

Cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm và quyền hạn sau đây :

1. Cấp gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép; đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 13 của Nghị định này.
2. Thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân xin phép, nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép.
3. Thanh tra, kiểm tra việc chủ giấy phép thực hiện nghĩa vụ quy định tại Điều 18 của Nghị định này.

Điều 16. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan tiếp nhận và quản lý hồ sơ, giấy phép

Cơ quan tiếp nhận và quản lý hồ sơ, giấy phép có trách nhiệm, quyền hạn sau đây:

1. Tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn thủ tục xin cấp phép.
2. Yêu cầu tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép bổ sung hồ sơ theo quy định.
3. Thẩm định hồ sơ xin cấp giấy phép và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định.
4. Làm thủ tục trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép.
5. Lưu trữ hồ sơ liên quan đến việc cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước.

Điều 17. Quyền của Chủ giấy phép

Chủ giấy phép có các quyền sau đây:

1. Được thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của giấy phép.
2. Được Nhà nước bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp quy định trong giấy phép.
3. Được Nhà nước bồi thường thiệt hại trong trường hợp giấy phép bị thu hồi trước thời hạn vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng theo quy định của pháp luật.
4. Được quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân bồi thường thiệt hại đối với các quyền, lợi ích hợp pháp của mình về thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật.
5. Đề nghị cơ quan cấp giấy phép gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo quy định.
6. Trả lại giấy phép theo quy định.

7. Khiếu nại, khởi kiện các hành vi vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong việc thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật.
8. Sử dụng dữ liệu, thông tin về tài nguyên nước theo quy định hiện hành.
9. Chuyển nhượng, cho thuê, để thừa kế, thế chấp, bảo lãnh bằng tài sản đầu tư vào việc thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Nghĩa vụ của chủ giấy phép

Chủ giấy phép có các nghĩa vụ sau đây:

1. Chấp hành quy định của pháp luật về tài nguyên nước và quy định trong giấy phép.
2. Nộp lệ phí cấp phép thăm dò nước dưới đất; lệ phí cấp phép khai thác, sử dụng nước dưới đất; lệ phí cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt; lệ phí cấp phép xả nước thải vào nguồn nước; nộp thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; bồi thường thiệt hại do mình gây ra theo quy định của pháp luật.
3. Không cản trở hoặc gây thiệt hại đến việc thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.
4. Bảo vệ nguồn nước tại khu vực thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.
5. Cung cấp đầy đủ và trung thực dữ liệu, thông tin về tài nguyên nước tại khu vực mà mình thăm dò, khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.
6. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng ngừa, khắc phục sự cố trong quá trình thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước; báo cáo kịp thời với cơ quan cấp giấy phép để có biện pháp xử lý thích hợp.
7. Có biện pháp giám sát quá trình thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
8. Không được tự ý tháo dỡ, phá hủy các công trình, thiết bị thuộc sở hữu toàn dân liên quan đến thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước khi giấy phép chấm dứt hiệu lực; trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, phải di chuyển toàn bộ tài sản của mình, của các bên có liên quan ra khỏi khu vực thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước; phục hồi môi trường và đất đai theo quy định của pháp luật.
9. Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân mà cơ quan quản lý nhà nước cho phép thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, điều tra, đánh giá nguồn nước tại khu vực đã được cấp phép của mình.
10. Thực hiện chế độ báo cáo về kết quả thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chương IV

**THỦ TỤC CẤP PHÉP THĂM DÒ,
KHAİ THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC, XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**

Điều 19. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất

1. Tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất nộp hai (2) bộ hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Điều 14 của Nghị định này. Hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;
- b) Đề án thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 200 m³/ngày đêm trở lên; thiết kế giếng thăm dò đối với công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200 m³/ngày đêm;
- c) Bản sao có công chứng giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai tại nơi thăm dò, hoặc văn bản của ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng đất để thăm dò.

2. Trình tự cấp giấy phép được quy định như sau :

- a) Trong thời hạn năm (5) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân xin phép để hoàn thiện hồ sơ theo quy định;
- b) Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc đối với công trình thăm dò có quy mô dưới 3000 m³/ngày đêm, ba mươi (30) ngày làm việc đối với công trình thăm dò có quy mô từ 3000 m³/ngày đêm trở lên, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, nếu đủ căn cứ cấp phép thì trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin phép và thông báo lý do không cấp phép.

Điều 20. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất

1. Tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất nộp hai (2) bộ hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Điều 14 của Nghị định này. Hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;
- b) Đề án khai thác nước dưới đất;
- c) Bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất tỷ lệ từ 1/50.000 đến 1/25.000;
- d) Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 200 m³/ngày đêm trở lên; báo cáo kết quả thi công giếng khai thác đối với công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200 m³/ngày đêm; báo cáo hiện trạng khai thác đối với công trình khai thác nước dưới đất đang hoạt động;

đ) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước cho mục đích sử dụng theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin cấp phép;

e) Bản sao có công chứng giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai tại nơi đặt giếng khai thác. Trường hợp đất nơi đặt giếng khai thác không thuộc quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thoả thuận cho sử dụng đất giữa tổ chức, cá nhân khai thác với tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xác nhận.

2. Trình tự cấp giấy phép được quy định như sau:

a) Trong thời hạn năm (5) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân xin phép để hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

b) Đối với trường hợp đã có giếng khai thác, trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 của Điều này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, nếu đủ căn cứ cấp phép thì trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép, cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin phép và thông báo lý do không cấp phép.

c) Đối với trường hợp chưa có giếng khai thác, trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 của Điều này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trình cơ quan có thẩm quyền cấp phép ra văn bản cho thi công giếng khai thác. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ tài liệu thi công giếng khai thác, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, nếu đủ căn cứ cấp phép thì trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép, cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin phép và thông báo lý do không cấp phép.

Điều 21. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt

1. Tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt nộp hai (2) bộ hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Điều 14 của Nghị định này. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

b) Đề án khai thác, sử dụng nước kèm theo quy trình vận hành đối với trường hợp chưa có công trình khai thác; báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước đối với trường hợp đang có công trình khai thác;

c) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước cho mục đích sử dụng theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin cấp phép;

d) Bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước tỷ lệ từ 1/50.000 đến 1/25.000;

đ) Bản sao có công chứng giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai tại nơi đặt công trình khai thác. Trường hợp đất tại nơi đặt công trình khai thác không thuộc quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thoả thuận cho sử dụng đất giữa tổ chức, cá nhân khai thác với tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất, được ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xác nhận.

2. Trình tự cấp giấy phép được quy định như sau:

a) Trong thời hạn năm (5) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân xin phép để hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

b) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 của Điều này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, nếu đủ căn cứ cấp phép thì trình cấp có thẩm quyền cấp giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin phép và thông báo lý do không cấp phép.

Điều 22. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước

1. Tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước nộp hai (2) bộ hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Điều 14 của Nghị định này. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

b) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin cấp phép;

c) Quy định vùng bảo hộ vệ sinh (nếu có) do cơ quan có thẩm quyền quy định tại nơi dự kiến xả nước thải;

d) Đề án xả nước thải vào nguồn nước, kèm theo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải; trường hợp đang xả nước thải vào nguồn nước thì phải có báo cáo hiện trạng xả nước thải, kèm theo kết quả phân tích thành phần nước thải và giấy xác nhận đã nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

e) Bản đồ vị trí khu vực xả nước thải vào nguồn nước tỷ lệ 1/10.000;

f) Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với trường hợp phải đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật;

g) Bản sao có công chứng giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai tại nơi đặt công trình xả nước thải. Trường hợp đất nơi đặt công trình xả nước thải không thuộc quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thoả thuận cho sử dụng đất giữa tổ chức, cá nhân xả nước thải với tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất, được ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xác nhận.

2. Trình tự cấp giấy phép được quy định như sau:

a) Trong thời hạn năm (5) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân xin phép để hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

b) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 của Điều này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, nếu đủ căn cứ cấp phép thì trình cấp có thẩm quyền cấp giấy phép; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để cấp phép thì cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin phép và thông báo lý do không cấp phép.

Điều 23. Trình tự, thủ tục gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

1. Tổ chức, cá nhân xin gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước nộp hai (2) bộ hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Điều 14 của Nghị định này. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn, hoặc thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép (nêu rõ lý do);

b) Giấy phép đã được cấp;

c) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép;

d) Báo cáo việc thực hiện các quy định trong giấy phép;

đ) Đề án thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép.

2. Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 của Điều này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, nếu đủ điều kiện gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thì trình cấp có thẩm quyền gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép và nêu rõ lý do.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp

giấy phép thăm dò nước dưới đất; lệ phí cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất; lệ phí cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt; lệ phí cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ quy định và hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn nước thải xả vào nguồn nước, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành, địa phương kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn đó.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mẫu giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1 Giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và không trái với quy định của Nghị định này thì được tiếp tục sử dụng. Trường hợp giấy phép được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà trái với quy định của Nghị định này thì trong thời hạn một (1) năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Chủ giấy phép phải làm thủ tục xin cấp giấy phép mới theo quy định.

2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ các Điều 5, 9, 10 và 12 của Nghị định số 179/1999/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ quy định việc thi hành Luật Tài nguyên nước.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận :

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP,
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW,
- Văn phòng Quốc hội,
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội,
- Văn phòng Chủ tịch nước,
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng,
- Tòa án nhân dân tối cao,
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao,
- Cơ quan TW của các đoàn thể,
- Học viện Hành chính quốc gia,
- Công báo,
- VPCP : BTCN, TBNC, các PCN, BNC, Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc,
- Lưu : NN (5b), VT.